

Bản án số:02 /2025/DS-ST

Ngày 10.7.2025.

(V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa).

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Hoàng**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Cơ** và Bà **Huỳnh Thị Lệ**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Khuất Duy Toàn**- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 4 tham gia phiên tòa: Ông **Võ Quang Tiến** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 302/2025/TLST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2024 về việc “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2025/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 115/2025/QĐST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S. Địa chỉ: A Ấp A, xã X, huyện H, TP Hồ Chí Minh. (nay thuộc xã B - TP Hồ Chí Minh) Người đại diện theo pháp luật ông Võ Văn T. Chức vụ: Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền ông Phan Lê Thế K, Theo giấy ủy quyền ngày 23/02/2025. (có mặt).

- Bị đơn: Bà **Lê Thị H** - sinh năm 1985; địa chỉ: G T, phường H - TP .. (vắng mặt không có lý do).

-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông **Lê Văn T1**; địa chỉ : G T, phường H - TP .. (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện, tại Bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông **Phan Lê Thế K** trình bày:

Bà Lê Thị H vì đã có hành vi lạm dụng tín nhiệm để từ chối thanh toán tiền cho Công ty chúng tôi với tổng cộng số tiền 357.780.000đ (ba trăm năm bảy triệu, bảy trăm tám mươi nghìn đồng) sự việc cụ thể như sau:

Vào ngày 04 tháng 03 năm 2024 công ty chúng tôi và bà Lê Thị H cùng nhau có xác nhận công nợ biên bản số: 04032024/XNCN số tiền trị giá 357.780.000đ (*ba trăm năm bảy triệu, bảy trăm tám mươi nghìn đồng*) trong biên bản xác nhận công nợ có đầy đủ thông tin của Công ty chúng tôi và của bà Lê Thị H và có chữ ký xác nhận của cả hai bên. Theo giấy xác nhận công nợ thì trong thời hạn phải thanh toán là ngày 10 tháng 7 năm 2024 bà Lê Thị H phải có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ số tiền trên cho Công ty C.

Đến nay đã quá hạn thanh toán được 1 tháng mà không thấy bà H thanh toán số tiền trên dù bên chúng tôi đã nhắc nhở nhiều lần.

Từ nội dung sự việc tôi đã trình bày trên, có thể khẳng định Bà Lê Thị H đã có hành vi lợi dụng lòng tin, lợi dụng việc mua bán của chúng tôi để chiếm đoạt số tiền đó.

Với nội dung sự việc đã trình bày như trên, nay tôi yêu cầu Cơ quan Tòa án điều tra xác minh, điều tra rõ hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của bà Lê Thị H1 để xử lý theo quy định của pháp luật và yêu cầu bà H trả số tiền trên cho Công ty chúng tôi. Không yêu cầu tính lãi.

* Đối với bị đơn Bà Lê Thị H và ông Lê Văn T1 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về việc hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy phải chịu hậu quả pháp lý của việc không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ chứng cứ của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án là tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả toàn bộ số tiền 357.780.000đ (*ba trăm năm bảy triệu, bảy trăm tám mươi nghìn đồng*) cho đến ngày thanh toán dứt nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng :

[1.1]. *Về thẩm quyền giải quyết:* Ông Lê Thị H; có địa chỉ tại: G T, phường H, quận L. TP . (nay thuộc phường H - Đà Nẵng) nên vụ án thuộc Tòa án nhân dân quận Liên

Chiều thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Tranh chấp giữa các bên được xác định là tranh chấp về hợp đồng dân sự (yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền) theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. *Về sự vắng mặt của đương sự*: Bà Lê Thị H, ông Lê Văn T1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội Dung tranh chấp:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào Giấy xác nhận công nợ số: 04032024/XNCN ngày 04/3/2024 bà Lê Thị H (Bị đơn) có xác nhận nợ Công ty Cổ phần S (Nguyên đơn) với số tiền 357.780.000đ (*ba trăm năm bảy triệu, bảy trăm tám mươi nghìn đồng*) là giao dịch dân sự, thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng dân sự phù hợp với các điều 116, 117, 119 Bộ luật dân sự 2015 nên có hiệu lực đối với các bên đã tham gia giao dịch.

Trong giấy xác nhận bà H có cam kết sẽ trả số tiền trên vào ngày 10/7/2024 nhưng cho đến nay vẫn không trả cho công ty đã nhiều lần đôn đốc nhưng bà vẫn chây ì. Nay Công ty Cổ phần S khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Lê Thị H trả số tiền 357.780.000đ (*ba trăm năm bảy triệu, bảy trăm tám mươi nghìn đồng*) và không yêu cầu tính lãi suất.

Như vậy, do Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại Điều 3 của giấy xác nhận công nợ; Do đó HĐXX căn cứ các Điều 274, 278, 280 của Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả số nợ nói trên.

[3]. Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm là: 17.889.000 đ (*Mười bảy triệu tám trăm tám mươi chín ngàn đồng y*); căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu và quản lý sử dụng án phí và lệ phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 116, 117, 119, 274, 278, 280 và 357 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 227; Điều 266, Điều 269 và Điều 273, 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu và quản lý sử dụng án phí và lệ phí.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Công ty Cổ phần S** đối với bà **Lê Thị H**.

Buộc bà Lê Thị H có nghĩa vụ trả số tiền 357.780.000đ (*ba trăm năm bảy triệu, bảy trăm tám mươi nghìn đồng*) cho Công ty Cổ phần S.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc người yêu cầu có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người thi hành án) mà người bị yêu cầu không trả tiền thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải Thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 17.889.000 đ (*Mười bảy triệu tám trăm tám mươi chín ngàn đồng y*) bà Lê Thị H phải chịu.

Hoàn trả cho Công ty Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.945.000 đồng (*tám triệu chín trăm bốn mươi lăm ngàn đồng y*) theo biên lai thu số 9082 ngày 18/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn Công ty Cổ phần S có quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu Vực 4- Đà Nẵng;
- Phòng THADS Khu Vực 4 - Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã Ký

Nguyễn Đức Hoàng

